SỞ Y TẾ ĐỒNG THÁP
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**

Số: 0406.26/KSBT-XN

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Đồng Tháp, ngày 18 tháng 11 năm 2026*

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

***Mã số mẫu: 1955.26***

VILAS 502

Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 449 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ : Số 316, quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp

Người lấy mẫu : Trần Văn Tính

Địa điểm lấy mẫu : Tổ hợp tác nước Tập đoàn 14-15 ấp Tân Sơn. Tại hộ Lâm Tấn Sĩ - Ấp Tân Sơn, xã Ngũ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày lấy mẫu : 29/10/2026

Tên mẫu : **NƯỚC SINH HOẠT - MS: 205 - Đ1**

Lượng mẫu : 4.5 L

Ngày nhận mẫu : 29/10/2026

Thời gian thử nghiệm : 29/10/2026 - 06/11/2026

Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2.0 lít và 1.0 lít;
Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng;
Mẫu thực hiện chỉ tiêu Hydrosunfua đựng trong chai thủy tinh 500ml, cố định bằng dung dịch NaOH;
Mẫu đậy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu | Phương pháp | Kết quả | Tiêu chuẩn |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Mùi, vị | SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 – B (2023) | Không có mùi,vị lạ | Không có mùi,vị lạ |
| 2 | Màu sắc (TCU) | TCVN 6185 - 2015(*) | 7,41 | ≤ 15 |
| 3 | Độ đục (NTU) | TCVN 12402-1: 2020(*) | 0,68 | ≤ 2 |
| 4 | Độ pH | TCVN 6492 : 2011 (*) | 8,22 | 6,0 - 8,5 |
| 5 | Hàm lượng sắt (mg/l) | SMEWW 3111B (2023) (*) | Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l | ≤ 0,3 |
| 6 | Tổng chất rắn hòa tan (mg/l) | SMEWW 2540 C (2023)(*) | 425 | ≤ 1000 |
| 7 | Hàm lượng Asen (mg/l) | SMEWW 3114B (2023) (*) | 0,007 | ≤ 0,01 |
| 8 | Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l) | SMEWW 4500$S^{2-}$ - F (2023)(*) | 0,026 | ≤ 0,05 |
| 9 | Hàm lượng amoni (mgN/l) | SMEWW 4500$NH_3$-F(2023)(*) | Không phát hiện LOD = 0,008 mgN/l | ≤ 0,3 |
| 10 | Chỉ số Permanganat (mg/l) | TCVN 6186 - 1996 (*) | 0,80 | ≤ 2 |
| 11 | Độ cứng (mg/l) | SMEWW 2340 C (2023) (*) | 34,0 | ≤ 300 |
| 12 | Độ mặn(mg/l) | TCVN 6194 - 1996 (*) | 12,8 | ≤ 250 |


Đ/C: Số 316, Quốc lộ 1A, tổ 22, Khu phố Long Hưng, Phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
ĐT: 0273.3872.368 - Fax: (84-273) 3881908 - Email:ttksbttg.xn@gmail.com

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 13 | Hàm lượng Nitrit (mgN/l) | SMEWW 4500 $NO_2$- B (2023) (*) | 0,003 | ≤ 0,05 |
| 14 | Hàm lượng Nitrat (mgN/l) | SMEWW 4500-NO3 B (2023) (*) | 0,14 | ≤ 2 |
| 15 | Hàm lượng Sulfat (mg/l) | SMEWW 4500-$SO_4$-E (2023) (*) | 10,2 | ≤ 250 |
| 16 | Hàm lượng mangan (mg/l) | SMEWW 3111B (2023) (*) | Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l | ≤ 0,1 |
| 17 | Hàm lượng Florua (mg/l) | TCVN 6195 : 1996 (*) | 0,27 | ≤ 1,5 |
| 18 | Hàm lượng Na (mg/l) | TCVN 6193-3:2000(*) | 127,7 | ≤ 200 |
| 19 | Coliforms (CFU/100ml) | TCVN 6187-1:2019 (*) | Không phát hiện | < 3 |
| 20 | E.Coli (CFU/100ml) | TCVN 6187-1:2019 (*) | Không phát hiện | < 1 |
| 21 | Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml) | TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*) | Không phát hiện | < 1 |
| 22 | Bari (Ba) | SMEWW 3125B : 2023 (b) | Không phát hiện LOD = 0,03 | ≤ 0,7 |
| 23 | Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B) | SMEWW 3125B : 2023 (b) | Không phát hiện LOD = 0,05 | ≤ 0,3 |
| 24 | Hàm lượng Cd (mg/l) | SMEWW 3125B : 2023 (b) | Không phát hiện LOD = 0,0003 | ≤ 0,003 |
| 25 | Hàm lượng Pb (mg/l) | SMEWW 3125B : 2023 (b) | Không phát hiện LOD = 0,002 | ≤ 0,01 |
| 26 | Tổng hoạt độ phóng xạ β | TCVN 6219 : 2021 (b) | Không phát hiện LOD = 0,2 | ≤ 1,0 |

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

(b) Phép thử do Công ty Cổ phần Biển Đức thực hiện.

**Nhận xét:** Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCĐP 02:2024/TG.

Ghi chú: - *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.*

**TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM – CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG**

*Lê Hồng Phương*

**GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

*Hoàng Thị Quỳnh Diệu*


Đ/C: Số 316, Quốc lộ 1A, tổ 22, Khu phố Long Hưng, Phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
ĐT: 0273.3872.368 - Fax: (84-273) 3881908 - Email:ttksbttg.xn@gmail.com

SỞ Y TẾ ĐỒNG THÁP
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**

Số: 0406.26/KSBT-XN

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Đồng Tháp, ngày 18 tháng 11 năm 2026*

VILAS 502

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

***Mã số mẫu: 1956.26***

Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 449 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ : Số 316, quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp

Người lấy mẫu : Trần Văn Tính

Địa điểm lấy mẫu : Tổ hợp tác nước Tập đoàn 14-15 ấp Tân Sơn. Tại hộ Võ văn Hiệp - Ấp Tân Sơn, xã Ngũ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày lấy mẫu : 29/10/2026

Tên mẫu : **NƯỚC SINH HOẠT - MS: 206 - Đ1**

Lượng mẫu : 4.5 L

Ngày nhận mẫu : 29/10/2026

Thời gian thử nghiệm : 29/10/2026 - 06/11/2026

Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2.0 lít và 1.0 lít;
Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng;
Mẫu thực hiện chỉ tiêu Hydrosunfua đựng trong chai thủy tinh 500ml, cố định bằng dung dịch NaOH;
Mẫu đậy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu | Phương pháp | Kết quả | Tiêu chuẩn |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Mùi, vị | SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 – B (2023) | Không có mùi,vị lạ | Không có mùi,vị lạ |
| 2 | Màu sắc (TCU) | TCVN 6185 - 2015(*) | < LOQ = 6 TCU | ≤ 15 |
| 3 | Độ đục (NTU) | TCVN 12402-1: 2020(*) | 0,55 | ≤ 2 |
| 4 | Độ pH | TCVN 6492 : 2011 (*) | 8,19 | 6,0 - 8,5 |
| 5 | Hàm lượng sắt (mg/l) | SMEWW 3111B (2023) (*) | Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l | ≤ 0,3 |
| 6 | Tổng chất rắn hòa tan (mg/l) | SMEWW 2540 C (2023)(*) | 405 | ≤ 1000 |
| 7 | Hàm lượng Asen (mg/l) | SMEWW 3114B (2023) (*) | 0,007 | ≤ 0,01 |
| 8 | Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l) | SMEWW 4500$S^{2-}$ - F (2023)(*) | Không phát hiện LOD = 0,006 mg/l | ≤ 0,05 |
| 9 | Hàm lượng amoni (mgN/l) | SMEWW 4500$NH_3$-F(2023)(*) | Không phát hiện LOD = 0,008 mgN/l | ≤ 0,3 |
| 10 | Chỉ số Permanganat (mg/l) | TCVN 6186 - 1996 (*) | 0,64 | ≤ 2 |
| 11 | Độ cứng (mg/l) | SMEWW 2340 C (2023) (*) | 34,0 | ≤ 300 |
| 12 | Độ mặn(mg/l) | TCVN 6194 - 1996 (*) | 12,8 | ≤ 250 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 13 | Hàm lượng Nitrit (mgN/l) | SMEWW 4500 $NO_2$- B (2023) (*) | 0,003 | ≤ 0,05 |
| 14 | Hàm lượng Nitrat (mgN/l) | SMEWW 4500-NO3 B (2023) (*) | 0,12 | ≤ 2 |
| 15 | Hàm lượng Sulfat (mg/l) | SMEWW 4500-$SO_4$-E (2023) (*) | 9,00 | ≤ 250 |
| 16 | Hàm lượng mangan (mg/l) | SMEWW 3111B (2023) (*) | Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l | ≤ 0,1 |
| 17 | Hàm lượng Florua (mg/l) | TCVN 6195 : 1996 (*) | 0,26 | ≤ 1,5 |
| 18 | Hàm lượng Na (mg/l) | TCVN 6193-3:2000(*) | 139,3 | ≤ 200 |
| 19 | Coliforms (CFU/100ml) | TCVN 6187-1:2019 (*) | Không phát hiện | < 3 |
| 20 | E.Coli (CFU/100ml) | TCVN 6187-1:2019 (*) | Không phát hiện | < 1 |
| 21 | Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml) | TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*) | Không phát hiện | < 1 |
| 22 | Bari (Ba) | SMEWW 3125B : 2023 (b) | Không phát hiện LOD = 0,03 | ≤ 0,7 |
| 23 | Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B) | SMEWW 3125B : 2023 (b) | Không phát hiện LOD = 0,05 | ≤ 0,3 |
| 24 | Hàm lượng Cd (mg/l) | SMEWW 3125B : 2023 (b) | Không phát hiện LOD = 0,0003 | ≤ 0,003 |
| 25 | Hàm lượng Pb (mg/l) | SMEWW 3125B : 2023 (b) | Không phát hiện LOD = 0,002 | ≤ 0,01 |
| 26 | Tổng hoạt độ phóng xạ β | TCVN 6219 : 2021 (b) | Không phát hiện LOD = 0,2 | ≤ 1,0 |

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

(b) Phép thử do Công ty Cổ phần Biển Đức thực hiện.

**Nhận xét:** Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCĐP 02:2024/TG.

Ghi chú: - *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.*

**TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM – CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG**

Lê Hồng Phương

**GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Hoàng Thị Quỳnh Diệu

SỞ Y TẾ ĐỒNG THÁP
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**

Số: 0406.26/KSBT-XN

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Đồng Tháp, ngày 18 tháng 11 năm 2026*

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

***Mã số mẫu: 1957.26***

VILAS 502

Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 449 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ : Số 316, quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp

Người lấy mẫu : Trần Văn Tính

Địa điểm lấy mẫu : Tổ hợp tác nước Tập đoàn 14-15 ấp Tân Sơn. Tại hộ Trần Văn Năm - Ấp Tân Sơn, xã Ngũ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày lấy mẫu : 29/10/2026

Tên mẫu : **NƯỚC SINH HOẠT - MS: 207 - Đ1**

Lượng mẫu : 4.5 L

Ngày nhận mẫu : 29/10/2026

Thời gian thử nghiệm : 29/10/2026 - 06/11/2026

Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2.0 lít và 1.0 lít;
Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng;
Mẫu thực hiện chỉ tiêu Hydrosunfua đựng trong chai thủy tinh 500ml, cố định bằng dung dịch NaOH;
Mẫu đậy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu | Phương pháp | Kết quả | Tiêu chuẩn |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Mùi, vị | SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 – B (2023) | Không có mùi,vị lạ | Không có mùi,vị lạ |
| 2 | Màu sắc (TCU) | TCVN 6185 - 2015(*) | < LOQ = 6 TCU | ≤ 15 |
| 3 | Độ đục (NTU) | TCVN 12402-1: 2020(*) | 0,54 | ≤ 2 |
| 4 | Độ pH | TCVN 6492 : 2011 (*) | 8,15 | 6,0 - 8,5 |
| 5 | Hàm lượng sắt (mg/l) | SMEWW 3111B (2023) (*) | Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l | ≤ 0,3 |
| 6 | Tổng chất rắn hòa tan (mg/l) | SMEWW 2540 C (2023)(*) | 410 | ≤ 1000 |
| 7 | Hàm lượng Asen (mg/l) | SMEWW 3114B (2023) (*) | 0,007 | ≤ 0,01 |
| 8 | Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l) | SMEWW 4500$S^{2-}$ - F (2023)(*) | Không phát hiện LOD = 0,006 mg/l | ≤ 0,05 |
| 9 | Hàm lượng amoni (mgN/l) | SMEWW 4500$NH_3$-F(2023)(*) | Không phát hiện LOD = 0,008 mgN/l | ≤ 0,3 |
| 10 | Chỉ số Permanganat (mg/l) | TCVN 6186 - 1996 (*) | 0,64 | ≤ 2 |
| 11 | Độ cứng (mg/l) | SMEWW 2340 C (2023) (*) | 32,0 | ≤ 300 |
| 12 | Độ mặn(mg/l) | TCVN 6194 - 1996 (*) | 12,1 | ≤ 250 |


Đ/C: Số 316, Quốc lộ 1A, tổ 22, Khu phố Long Hưng, Phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
ĐT: 0273.3872.368 - Fax: (84-273) 3881908 - Email:ttksbttg.xn@gmail.com

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 13 | Hàm lượng Nitrit (mgN/l) | SMEWW 4500 $NO_2$- B (2023) (*) | < LOQ = 0,003 mgN/L | ≤ 0,05 |
| 14 | Hàm lượng Nitrat (mgN/l) | SMEWW 4500-NO3 B (2023) (*) | 0,13 | ≤ 2 |
| 15 | Hàm lượng Sulfat (mg/l) | SMEWW 4500-$SO_4$-E (2023) (*) | 8,46 | ≤ 250 |
| 16 | Hàm lượng mangan (mg/l) | SMEWW 3111B (2023) (*) | Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l | ≤ 0,1 |
| 17 | Hàm lượng Florua (mg/l) | TCVN 6195 : 1996 (*) | 0,24 | ≤ 1,5 |
| 18 | Hàm lượng Na (mg/l) | TCVN 6193-3:2000(*) | 127,5 | ≤ 200 |
| 19 | Coliforms (CFU/100ml) | TCVN 6187-1:2019 (*) | Không phát hiện | < 3 |
| 20 | E.Coli (CFU/100ml) | TCVN 6187-1:2019 (*) | Không phát hiện | < 1 |
| 21 | Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml) | TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*) | Không phát hiện | < 1 |
| 22 | Bari (Ba) | SMEWW 3125B : 2023 (b) | Không phát hiện LOD = 0,03 | ≤ 0,7 |
| 23 | Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B) | SMEWW 3125B : 2023 (b) | Không phát hiện LOD = 0,05 | ≤ 0,3 |
| 24 | Hàm lượng Cd (mg/l) | SMEWW 3125B : 2023 (b) | Không phát hiện LOD = 0,0003 | ≤ 0,003 |
| 25 | Hàm lượng Pb (mg/l) | SMEWW 3125B : 2023 (b) | Không phát hiện LOD = 0,002 | ≤ 0,01 |
| 26 | Tổng hoạt độ phóng xạ β | TCVN 6219 : 2021 (b) | Không phát hiện LOD = 0,2 | ≤ 1,0 |

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

(b) Phép thử do Công ty Cổ phần Biển Đức thực hiện.

**Nhận xét:** Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCĐP 02:2024/TG.

Ghi chú: - *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.*

**TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM – CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG**

Lê Hồng Phương

**GIÁM ĐỐC**

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Hoàng Thị Quỳnh Diệu


Đ/C: Số 316, Quốc lộ 1A, tổ 22, Khu phố Long Hưng, Phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
ĐT: 0273.3872.368 - Fax: (84-273) 3881908 - Email:ttksbttg.xn@gmail.com